

Thanh Hóa, ngày 5 tháng 09 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 27-28/08/2022

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	2069000219	Lâm Thị	Ái	KC	ĐH	0.5	5.0	4.5	4.0	3.5	
2	2069000056	Lương Việt	An	KC	ĐH	5.5	5.5	2.5	5.0	4.5	
3	2069000110	Phạm Thị Thúy	An	KC	ĐH	5.5	6.0	6.0	6.0	6.0	
4	2069000057	Đỗ Ngọc	Anh	KC	ĐH	1.0	5.5	6.0	4.0	4.0	
5	2069000273	Hoàng Thúy	Anh	KC	ĐH	0.5	4.5	4.0	4.5	3.5	
6	2069000001	Lê Thị Kiều	Anh	KC	ĐH	4.5	5.0	2.0	4.5	4.0	
7	2069000165	Lò Phương	Anh	KC	ĐH	2.5	6.0	5.0	5.0	4.5	
8	2069000221	Nguyễn Thị Lan	Anh	KC	ĐH	5.0	5.0	2.0	4.0	4.0	
9	2069000274	Lê Quỳnh	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
10	2069000058	Lê Thị Lan	Anh	KC	ĐH	2.0	4.5	3.0	4.0	3.5	
11	2069000220	Mạc Thị Quỳnh	Anh	KC	ĐH	5.0	6.0	5.5	6.0	5.5	
12	2069000002	Mai Lê	Anh	KC	ĐH	5.5	7.5	5.5	5.0	6.0	
13	2069000341	Nguyễn Lan	Anh	KC	ĐH	1.0	5.5	6.5	4.0	4.5	
14	2069000166	Nguyễn Thị	Anh	KC	ĐH	2.5	6.5	5.0	5.0	5.0	
15	2069000111	Nguyễn Thị Tú	Anh	KC	ĐH	4.5	6.0	6.0	5.5	5.5	
16	2069000112	Phạm Thị Minh	Anh	KC	ĐH	4.5	4.0	4.5	4.0	4.5	
17	2069000113	Lê Minh	Ánh	KC	ĐH	1.0	6.5	6.0	3.0	4.0	
18	2069000059	Lữ Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	3.0	4.5	4.5	4.5	4.0	
19	2069000222	Nguyễn Trần Minh	Ánh	KC	ĐH	5.0	6.5	3.5	6.0	5.5	
20	2069000003	Đinh Thị	Bé	KC	ĐH	0.5	4.0	3.0	4.0	3.0	
21	2069000114	Vũ Thị Thanh	Bình	KC	ĐH	5.0	5.0	4.0	5.0	5.0	
22	2069000060	Nguyễn Thị Thanh	Bình	KC	ĐH	0.0	5.0	3.0	Vắng	0.0	
23	2069000004	Thao Văn	Cảnh	KC	ĐH	1.0	5.5	3.0	4.0	3.5	
24	2069000275	Nguyễn Linh	Chi	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	6.0	4.5	
25	2069000115	Nguyễn Thị Linh	Chi	KC	ĐH	4.5	5.5	3.0	4.0	4.5	
26	2069000005	Phạm Kim	Chi	KC	ĐH	2.0	5.0	4.5	3.5	4.0	
27	2069000167	Phan Đặng Quỳnh	Chi	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
28	2069000223	Trần Thị Mai	Chi	KC	ĐH	4.5	6.0	5.0	5.0	5.0	
29	2069000168	Trịnh Thị Linh	Chi	KC	ĐH	3.5	4.5	6.0	4.0	4.5	
30	2069000061	Phùng Thị Minh	Chi	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	4.5	4.0	
31	2069000169	Trần Văn	Chiến	KC	ĐH	3.5	4.0	3.5	3.5	3.5	
32	2069000006	Cao Thị	Chúc	KC	ĐH	1.0	5.0	5.5	4.0	4.0	
33	2069000276	Nguyễn Thị	Cúc	KC	ĐH	2.5	4.0	4.5	5.5	4.0	
34	2069000224	Cao Mạnh	Cường	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
35	2069000277	Trịnh Thị Tâm	Đan	KC	ĐH	0.5	4.5	3.0	3.0	3.0	
36	2069000116	Nguyễn Thị	Đào	KC	ĐH	4.0	6.5	5.0	5.0	5.0	
37	2069000007	Tặng Thị	Diện	KC	ĐH	2.0	2.5	3.5	4.0	3.0	
38	2069000063	Phan Thị	Diệp	KC	ĐH	3.5	5.0	3.5	6.0	4.5	

19 - ch

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
39	2069000117	Trịnh Thị	Diệp	KC	ĐH	1.5	6.5	4.0	4.5	4.0	
40	2069000170	Nguyễn Thị	Diệu	KC	ĐH	5.0	6.0	3.5	6.0	5.0	
41	2069000225	Trịnh Tiến	Dĩnh	KC	ĐH	4.0	5.0	4.5	5.0	4.5	
42	2069000278	Ngân Thị	Đòa	KC	ĐH	3.5	2.5	5.0	4.0	4.0	
43	2069000343	Hoàng Thị	Đức	KC	ĐH	1.0	3.0	3.5	2.0	2.5	
44	2069000064	Bùi Văn	Dung	KC	ĐH	0.5	5.5	4.5	3.5	3.5	
45	2069000008	Lê Thị	Dung	KC	ĐH	6.0	5.5	4.0	5.0	5.0	
46	2069000118	Đỗ Thảo	Dương	KC	ĐH	5.5	7.5	5.0	7.5	6.5	
47	2069000171	Lê Thị Thùy	Dương	KC	ĐH	2.5	5.5	4.5	6.0	4.5	
48	2069000226	Phạm Thị Thùy	Dương	KC	ĐH	5.0	5.0	3.5	6.5	5.0	
49	2069000009	Nguyễn Hồng	Duyên	KC	ĐH	2.0	6.0	4.5	5.0	4.5	
50	2069000279	Hà Mỹ	Duyên	KC	ĐH	5.0	6.0	6.5	3.0	5.0	
51	2069000065	Lê Thị	Giang	KC	ĐH	6.0	8.5	7.5	7.5	7.5	
52	2069000010	Lương Hằng	Giang	KC	ĐH	3.5	5.5	6.0	5.5	5.0	
53	2069000119	Lê Hương	Giang	KC	ĐH	6.0	4.0	3.5	3.0	4.0	
54	2069000172	Lê Thị Trà	Giang	KC	ĐH	5.5	5.0	5.5	3.5	5.0	
55	2069000227	Lê Thu	Giang	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	4.5	4.0	
56	2069000120	Lưu Thị Thu	Hà	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	4.0	4.5	
57	2069000173	Nguyễn Thị	Hà	KC	ĐH	5.0	6.0	6.0	2.0	5.0	
58	2069000067	Phạm Thị	Hà	KC	ĐH	4.0	5.0	4.0	3.5	4.0	
59	2069000011	Lò Thanh	Hải	KC	ĐH	1.5	4.0	4.0	3.5	3.5	
60	2069000281	Triệu Nhật	Hải	KC	ĐH	1.5	4.0	5.0	3.5	3.5	
61	2069000175	Hà Thị Nguyệt	Hằng	KC	ĐH	5.0	4.0	3.5	4.0	4.0	
62	2069000229	Hoàng Thị	Hằng	KC	ĐH	7.5	5.0	5.5	7.5	6.5	
63	2069000012	Lò Thị	Hằng	KC	ĐH	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
64	2069000121	Đào Minh	Hằng	KC	ĐH	4.5	4.5	5.0	5.0	5.0	
65	2069000342	Hoàng Thị	Hằng	KC	ĐH	4.5	3.0	2.5	3.5	3.5	
66	2069000068	Nguyễn Thị	Hằng	KC	ĐH	4.0	4.0	3.5	2.0	3.5	
67	2069000230	Phạm Thị Thu	Hằng	KC	ĐH	2.5	5.0	3.0	4.0	3.5	
68	2069000231	Trần Thị Hồng	Hạnh	KC	ĐH	2.5	5.0	6.0	6.0	5.0	
69	1869000011	Bùi Thị	Hiền	KC	ĐH	8.0	6.5	5.0	7.0	6.5	
70	2069000122	Đỗ Thị	Hiền	KC	ĐH	4.0	3.5	4.5	3.5	4.0	
71	2069000176	Lê Thanh	Hiền	KC	ĐH	6.0	6.0	6.0	4.0	5.5	
72	2069000339	Phạm Lê Thu	Hiền	KC	ĐH	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0	
73	2069000069	Lê Thế	Hiếu	KC	ĐH	4.0	4.5	5.5	5.5	5.0	
74	2069000283	Nguyễn Trung	Hiếu	KC	ĐH	3.0	5.5	4.5	6.0	5.0	
75	2069000337	Bùi Thị	Hoa	KC	ĐH	3.5	6.5	6.5	4.0	5.0	
76	2069000232	Hà Tổng Nhật	Hoa	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
77	2069000013	Lê Thị Mai	Hoa	KC	ĐH	5.5	4.5	4.5	4.5	5.0	
78	2069000070	Trương Thị	Hoa	KC	ĐH	5.5	4.5	4.0	4.5	4.5	
79	2069000284	Phan Mai	Hoa	KC	ĐH	2.0	3.5	4.0	Vắng	0.0	
80	2069000123	Hoàng Minh	Hòa	KC	ĐH	6.5	4.5	5.0	6.0	5.5	
81	2069000177	Lê Khánh	Hòa	KC	ĐH	3.5	4.5	3.5	4.0	4.0	
82	2069000233	Phạm Thị	Hoài	KC	ĐH	7.0	4.0	4.5	4.0	5.0	
83	2069000014	Bùi Thị	Hồng	KC	ĐH	5.5	4.0	4.0	4.0	4.5	

19 chg

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
84	2069000340	Hà Thị	Hồng	KC	ĐH	1.5	4.0	3.5	4.0	3.5	
85	2069000124	Lò Thị	Hợp	KC	ĐH	6.0	2.0	3.5	4.0	4.0	
86	2069000285	Lê Thị	Hợp	KC	ĐH	2.0	4.5	2.0	Vắng	0.0	
87	2069000015	Nguyễn Văn	Hùng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
88	2069000071	Hà Thị Mai	Hương	KC	ĐH	2.5	4.5	3.0	4.5	3.5	
89	2069000016	Hoàng Thị Thu	Hương	KC	ĐH	7.5	6.0	5.0	5.0	6.0	
90	2069000286	Nguyễn Thị	Hương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
91	2069000125	Nguyễn Thị	Hương	KC	ĐH	2.5	5.0	3.0	4.0	3.5	
92	2069000234	Lê Thị	Hương	KC	ĐH	3.0	3.5	3.5	4.0	3.5	
93	2069000178	Lương Thị Thúy	Hường	KC	ĐH	7.0	4.5	3.5	4.0	5.0	
94	2069000287	Lê Danh	Huy	KC	ĐH	2.5	6.0	4.0	4.5	4.5	
95	2069000235	Lê Thị	Huyền	KC	ĐH	2.5	4.0	4.5	4.5	4.0	
96	2069000126	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	KC	ĐH	4.0	6.0	3.0	5.5	4.5	
97	2069000127	Hà Thanh	Huyền	KC	ĐH	4.5	4.5	3.0	4.0	4.0	
98	2069000017	Hồ Thị	Huyền	KC	ĐH	3.0	5.5	4.5	4.5	4.5	
99	2069000129	Lê Thị Phương	Huyền	KC	ĐH	3.5	6.5	5.5	5.0	5.0	
100	2069000019	Mai Thu	Huyền	KC	ĐH	5.0	5.5	3.5	6.0	5.0	
101	2069000128	Nguyễn Khánh	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
102	2069000020	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	KC	ĐH	5.0	6.5	5.5	7.0	6.0	
103	2069000072	Bùi Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	5.0	6.5	5.5	4.5	5.5	
104	2069000018	Lê Thị	Huyền	KC	ĐH	3.5	5.0	4.5	5.0	4.5	
105	2069000075	Phạm Thị Ngọc	Huyền	KC	ĐH	5.0	4.5	3.0	4.0	4.0	
106	2069000181	Hà Thị	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
107	2069000239	Lê Khánh	Huyền	KC	ĐH	7.0	7.5	7.5	7.5	7.5	
108	2069000237	Lê Thanh	Huyền	KC	ĐH	6.5	4.5	4.5	4.0	5.0	
109	2069000288	Lê Thị	Huyền	KC	ĐH	2.0	2.5	3.0	4.0	3.0	
110	2069000236	Lê Thị Thúy	Huyền	KC	ĐH	4.0	6.0	6.0	4.0	5.0	
111	2069000074	Lê Thu	Huyền	KC	ĐH	6.0	6.0	5.5	6.0	6.0	
112	2069000289	Lương Khánh	Huyền	KC	ĐH	3.5	7.0	4.5	3.5	4.5	
113	2069000179	Nguyễn Thị	Huyền	KC	ĐH	6.0	6.0	5.5	6.0	6.0	
114	2069000182	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	6.0	4.5	4.0	4.5	5.0	
115	2069000238	Nguyễn Thu	Huyền	KC	ĐH	6.0	3.0	5.5	7.0	5.5	
116	2069000183	Trương Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
117	2069000180	Bùi Thị	Huyền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
118	2069000076	Lâm Hồng	Khánh	KC	ĐH	5.0	4.5	5.5	6.5	5.5	
119	2069000130	Bùi Mạnh	Kiên	KC	ĐH	2.5	5.0	5.0	4.0	4.0	
120	2069000240	Cao Tuấn	Kiệt	KC	ĐH	5.5	2.5	4.0	4.5	4.0	
121	2069000185	Đặng Tùng	Lâm	KC	ĐH	5.5	5.5	6.5	4.0	5.5	
122	2069000131	Ngân Tùng	Lâm	KC	ĐH	4.0	4.5	3.0	6.5	4.5	
123	2069000077	Nguyễn Thị	Lan	KC	ĐH	4.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
124	2069000021	Hà Thảo	Lê	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	4.0	4.0	
125	2069000078	Bùi Thị	Lê	KC	ĐH	1.5	3.5	5.0	4.0	3.5	
126	2069000290	Nguyễn Thị	Lê	KC	ĐH	7.0	6.5	5.5	7.0	6.5	
127	2069000291	Hà Thị	Liên	KC	ĐH	4.0	5.5	4.0	3.5	4.5	
128	2069000022	Nguyễn Thị	Liên	KC	ĐH	2.5	5.5	3.0	3.5	3.5	

19/05/2021

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
129	2069000079	Nguyễn Thị	Liên	KC	ĐH	6.0	4.5	4.0	7.0	5.5	
130	2069000132	Phạm Thị	Liên	KC	ĐH	6.5	4.5	4.0	5.0	5.0	
131	2069000241	Vì Thị	Liên	KC	ĐH	6.5	6.0	5.0	6.0	6.0	
132	2069000242	Cao Phương	Linh	KC	ĐH	6.0	4.0	4.0	5.5	5.0	
133	2069000334	Đỗ Thị	Linh	KC	ĐH	1.5	5.0	3.0	4.5	3.5	
134	2069000023	Đỗ Thị Khánh	Linh	KC	ĐH	5.5	4.5	5.0	6.5	5.5	
135	2069000133	Đỗ Thị Khánh	Linh	KC	ĐH	4.0	5.5	4.5	4.0	4.5	
136	2069000292	Dương Ánh	Linh	KC	ĐH	6.0	6.5	6.5	5.5	6.0	
137	2069000188	Hà Thị Thu	Linh	KC	ĐH	2.5	3.5	3.0	7.0	4.0	
138	2069000245	Lê Khánh	Linh	KC	ĐH	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	
139	2069000134	Lê Minh Ngọc	Linh	KC	ĐH	6.0	5.5	4.0	7.0	5.5	
140	2069000189	Lê Thị	Linh	KC	ĐH	3.0	5.0	3.5	7.0	4.5	
141	2069000295	Lê Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	2.0	4.0	4.5	3.5	3.5	
142	2069000080	Lộc Thị Diệu	Linh	KC	ĐH	1.0	5.5	2.5	3.0	3.0	
143	2069000081	Lương Thị	Linh	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	5.0	5.0	
144	2069000243	Nguyễn Khánh	Linh	KC	ĐH	5.0	6.0	6.0	6.5	6.0	
145	2069000136	Nguyễn Thị	Linh	KC	ĐH	2.5	5.5	4.5	4.5	4.5	
146	2069000025	Nguyễn Thị	Linh	KC	ĐH	4.0	5.5	5.5	6.0	5.5	
147	2069000135	Nguyễn Thị Diệu	Linh	KC	ĐH	3.0	5.0	3.5	7.0	4.5	
148	2069000244	Phạm Hải	Linh	KC	ĐH	0.5	4.5	3.5	4.0	3.0	
149	2069000190	Trần Phương	Linh	KC	ĐH	3.0	6.0	6.0	5.0	5.0	
150	2069000294	Trần Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	5.5	8.0	4.5	6.5	6.0	
151	2069000026	Vì Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
152	2069000024	Hoàng Thị Diệu	Linh	KC	ĐH	3.0	5.5	4.0	4.5	4.5	
153	2069000293	Nguyễn Thị Hồng	Linh	KC	ĐH	6.0	6.5	6.0	7.5	6.5	
154	2069000191	Phạm Thị Bích	Loan	KC	ĐH	3.0	4.0	4.0	2.5	3.5	
155	2069000335	Lò Xuân	Lương	KC	ĐH	0.5	4.0	4.0	3.0	3.0	
156	2069000246	Phạm Thị	Lương	KC	ĐH	5.5	7.0	4.0	6.5	6.0	
157	2069000296	Trương Thị Huyền	Lương	KC	ĐH	6.0	5.5	4.5	6.0	5.5	
158	2069000083	Nguyễn Thị	Luyến	KC	ĐH	7.5	7.0	4.5	7.0	6.5	
159	2069000027	Nguyễn Thị	Luyến	KC	ĐH	2.5	5.0	4.0	4.0	4.0	
160	2069000137	Hà Thị Khánh	Ly	KC	ĐH	5.0	6.5	5.5	4.0	5.5	
161	2069000192	Ngân Thị Khánh	Ly	KC	ĐH	3.5	6.0	5.5	7.0	5.5	
162	2069000247	Phạm Hải	Ly	KC	ĐH	4.0	3.0	3.0	6.0	4.0	
163	2069000028	Phan Thị Thảo	Ly	KC	ĐH	7.0	5.5	4.0	5.5	5.5	
164	2069000297	Võ Cẩm	Ly	KC	ĐH	5.0	6.0	4.5	7.0	5.5	
165	2069000298	Hà Thị	Mai	KC	ĐH	0.5	5.0	4.0	2.5	3.0	
166	2069000029	Lê Thị	Mai	KC	ĐH	1.0	5.0	3.5	3.5	3.5	
167	2069000084	Lương Thị Ngọc	Mai	KC	ĐH	1.0	5.0	3.0	3.0	3.0	
168	2069000138	Lê Duy	Mạnh	KC	ĐH	1.0	5.0	5.5	3.5	4.0	
169	2069000193	Đinh Thiên	Minh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
170	2069000085	Lê Thị	Mười	KC	ĐH	3.0	5.0	3.0	3.0	3.5	
171	2069000248	Hà Thị Trà	My	KC	ĐH	2.5	4.0	3.0	3.5	3.5	
172	2069000299	Phạm Trà	My	KC	ĐH	3.0	3.5	3.5	4.5	3.5	
173	2069000030	Trịnh Thị Trà	My	KC	ĐH	6.0	5.5	4.5	6.0	5.5	

14 - chg

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
174	2069000086	Nguyễn Thị	Na	KC	ĐH	5.0	6.5	5.0	4.5	5.5	
175	2069000194	Phạm Thị Hoài	Nam	KC	ĐH	5.0	5.5	3.5	4.0	4.5	
176	2069000249	Cù Thúy	Nga	KC	ĐH	5.0	4.0	4.0	5.0	4.5	
177	2069000300	Đậu Thị	Nga	KC	ĐH	4.0	5.5	3.5	2.0	4.0	
178	2069000195	Nguyễn Thị	Nga	KC	ĐH	6.0	5.5	4.5	5.0	5.5	
179	2069000031	Phạm Thị	Nga	KC	ĐH	6.0	4.0	5.0	6.5	5.5	
180	2069000139	Trịnh Thị	Nga	KC	ĐH	6.0	6.0	5.5	4.0	5.5	
181	2069000140	Trương Thị	Nga	KC	ĐH	4.0	6.0	4.5	4.5	5.0	
182	2069000250	Vi Phương	Nga	KC	ĐH	4.0	5.0	4.0	3.5	4.0	
183	2069000087	Hoàng Thúy	Nga	KC	ĐH	5.0	6.0	4.0	3.5	4.5	
184	2069000301	Cao Thị	Ngân	KC	ĐH	7.5	4.5	6.0	6.5	6.0	
185	2069000032	Hà Thị	Ngát	KC	ĐH	7.0	3.5	2.5	3.5	4.0	
186	2069000302	Bùi Thị	Ngọc	KC	ĐH	6.5	6.5	4.5	5.5	6.0	
187	2069000088	Lê Thị	Ngọc	KC	ĐH	3.0	4.0	3.0	4.0	3.5	
188	2069000141	Ngô Lưu Bảo	Ngọc	KC	ĐH	5.0	6.5	3.5	6.5	5.5	
189	2069000251	Nguyễn Thị	Ngọc	KC	ĐH	6.0	4.5	5.0	6.5	5.5	
190	2069000303	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
191	2069000142	Vũ Thị Thu	Nguyệt	KC	ĐH	5.0	6.0	4.0	3.5	4.5	
192	2069000197	Lê Bá Long	Nhật	KC	ĐH	3.0	4.0	4.0	5.0	4.0	
193	2069000327	Cao Thị	Nhi	KC	ĐH	1.0	5.0	5.0	5.0	4.0	
194	2069000328	Cao Thị Yến	Nhi	KC	ĐH	1.0	5.0	5.0	6.5	4.5	
195	2069000330	Mai Hà	Nhi	KC	ĐH	6.0	6.5	6.0	7.0	6.5	
196	2069000198	Nguyễn Lê Cẩm	Nhi	KC	ĐH	6.5	5.0	4.0	6.5	5.5	
197	2069000329	Lê Yến	Nhi	KC	ĐH	3.0	6.0	5.5	5.0	5.0	
198	2069000089	Cao Thị Quỳnh	Như	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
199	2069000034	Lương Thị Quỳnh	Như	KC	ĐH	0.5	3.5	2.5	3.0	2.5	
200	2069000143	Phạm Tuyết	Như	KC	ĐH	3.0	4.0	4.5	3.5	4.0	
201	2069000252	Lê Thị	Nhung	KC	ĐH	6.0	6.0	3.0	5.0	5.0	
202	2069000304	Lê Thị	Nhung	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	3.5	3.5	
203	2069000035	Cao Thị	Nhung	KC	ĐH	2.0	4.5	4.0	4.0	3.5	
204	2069000036	Thao Văn	Nu	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	5.0	4.0	
205	2069000199	Đặng Thị	Oanh	KC	ĐH	2.0	6.0	5.5	4.5	4.5	
206	2069000144	Mai Hoàng	Phúc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
207	2069000305	Nguyễn Thị	Phúc	KC	ĐH	3.0	6.0	5.5	3.5	4.5	
208	2069000037	Lê Thị Tuyết	Phương	KC	ĐH	2.0	5.5	4.5	3.0	4.0	
209	2069000090	Lương Thị Mai	Phương	KC	ĐH	4.0	6.0	3.0	4.0	4.5	
210	2069000091	Vi Thị Quỳnh	Phương	KC	ĐH	3.0	4.5	4.0	4.0	4.0	
211	2069000145	Lê Thị	Phương	KC	ĐH	5.0	5.0	5.5	5.0	5.0	
212	2069000200	Nguyễn Thị	Phương	KC	ĐH	4.5	5.0	3.5	4.5	4.5	
213	2069000253	Nguyễn Thị	Phương	KC	ĐH	2.5	4.0	4.0	5.0	4.0	
214	2069000306	Phạm Lan	Phương	KC	ĐH	0.5	4.0	3.0	Vắng	0.0	
215	2069000254	Phạm Thị	Phương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
216	2069000201	Vũ Thị Mai	Phương	KC	ĐH	5.0	5.5	4.5	5.0	5.0	
217	2069000255	Lâu Tho	Pó	KC	ĐH	0.0	2.0	4.0	Vắng	0.0	
218	2069000038	Phạm Bá	Quân	KC	ĐH	0.0	3.5	3.0	Vắng	0.0	

19/ - chg

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
219	2069000307	Bùi Minh	Quang	KC	ĐH	3.0	6.0	5.0	6.5	5.0	
220	2069000202	Lê Thị Như	Quỳnh	KC	ĐH	9.0	5.0	4.5	5.0	6.0	
221	2069000256	Lê Thị Phương	Quỳnh	KC	ĐH	3.0	5.0	3.0	5.5	4.0	
222	2069000308	Lê Thị Xuân	Quỳnh	KC	ĐH	1.0	6.5	5.5	5.5	4.5	
223	2069000039	Nguyễn Như	Quỳnh	KC	ĐH	1.0	4.0	3.5	4.5	3.5	
224	2069000257	Nguyễn Thị	Quỳnh	KC	ĐH	3.0	5.0	4.0	5.5	4.5	
225	2069000040	Cao Thị	Sơn	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
226	2069000041	Hoàng Thị	Tâm	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	6.0	5.0	
227	2069000147	Lê Thị	Tâm	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	4.0	4.5	
228	2069000309	Phạm Thị Thanh	Tâm	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
229	2069000203	Trương Thị	Tâm	KC	ĐH	6.5	4.5	3.0	4.0	4.5	
230	2069000310	Ngân Văn	Thạch	KC	ĐH	0.5	4.5	3.5	Vắng	0.0	
231	2069000094	Lê Thị	Thắm	KC	ĐH	0.5	7.0	2.0	6.0	4.0	
232	2069000042	Bùi Thị Phương	Thanh	KC	ĐH	0.5	2.5	3.5	4.5	3.0	
233	2069000095	Dương Phương	Thanh	KC	ĐH	7.5	6.0	3.5	5.0	5.5	
234	2069000204	Nguyễn Tiến	Thành	KC	ĐH	4.0	6.5	4.0	5.5	5.0	
235	2069000311	Phạm Nhật	Thành	KC	ĐH	0.5	4.0	3.5	Vắng	0.0	
236	2069000258	Phạm Bá	Thành	KC	ĐH	2.0	3.0	3.0	Vắng	0.0	
237	2069000150	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	3.0	6.5	5.5	6.0	5.5	
238	2069000096	Cao Thị	Thảo	KC	ĐH	5.0	3.0	3.5	4.5	4.0	
239	2069000149	Đỗ Thị	Thảo	KC	ĐH	0.5	4.0	6.5	4.5	4.0	
240	2069000205	Kiều Phương	Thảo	KC	ĐH	8.5	4.5	3.5	5.0	5.5	
241	2069000043	Lê Thị	Thảo	KC	ĐH	4.5	5.0	2.5	4.0	4.0	
242	2069000259	Nguyễn Phương	Thảo	KC	ĐH	7.0	7.0	5.5	6.5	6.5	
243	2069000206	Nguyễn Thị	Thảo	KC	ĐH	7.0	4.0	4.0	4.0	5.0	
244	2069000312	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
245	2069000260	Thiều Phương	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
246	2069000313	Trần Phương	Thảo	KC	ĐH	7.5	5.0	6.0	6.5	6.5	
247	2069000044	Lộc Thị Kim	The	KC	ĐH	4.5	4.0	3.0	4.0	4.0	
248	2069000207	Hồ Thị	Thiện	KC	ĐH	1.5	6.5	2.5	2.0	3.0	
249	2069000151	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
250	2069000261	Hà Thị	Thoan	KC	ĐH	7.0	2.5	3.0	6.0	4.5	
251	2069000045	Vi Văn	Thông	KC	ĐH	0.5	3.0	3.0	Vắng	0.0	
252	2069000046	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	7.0	4.5	3.5	4.5	5.0	
253	2069000314	Nguyễn Thị Hoài	Thu	KC	ĐH	7.0	4.0	5.0	3.0	5.0	
254	2069000336	Nguyễn Thị Minh	Thu	KC	ĐH	0.5	2.5	2.5	Vắng	0.0	
255	2069000097	Trương Thị	Thu	KC	ĐH	1.5	4.0	3.5	3.0	3.0	
256	2069000152	Lường Lê Anh	Thư	KC	ĐH	7.5	4.5	5.5	4.0	5.5	
257	2069000208	Nguyễn Thị	Thư	KC	ĐH	6.5	6.0	3.5	6.0	5.5	
258	2069000315	Vũ Minh	Thư	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
259	2069000209	Đặng Thị	Thương	KC	ĐH	6.0	6.0	5.5	5.0	5.5	
260	2069000153	Nguyễn Thị	Thúy	KC	ĐH	7.5	5.0	5.5	5.0	6.0	
261	2069000154	Đinh Thị	Thùy	KC	ĐH	7.5	5.5	5.5	6.0	6.0	
262	2069000210	Hoàng Thu	Thùy	KC	ĐH	8.5	7.0	4.5	7.0	7.0	
263	2069000262	Lương Diệu	Thùy	KC	ĐH	2.5	4.5	2.5	Vắng	0.0	

19 - ch

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
264	2069000047	Nguyễn Minh	Thùy	KC	ĐH	5.5	3.5	4.5	2.0	4.0	
265	2066010048	Phạm Thị	Thùy	KC	ĐH	0.5	6.5	5.0	3.5	4.0	
266	2069000316	Nguyễn Thị	Thùy	KC	ĐH	2.5	4.5	4.5	4.5	4.0	
267	2069000098	Bùi Thị	Thùy	KC	ĐH	4.5	5.0	3.0	4.5	4.5	
268	2069000211	Lê Thị Thu	Thùy	KC	ĐH	7.0	6.0	4.5	7.0	6.0	
269	2069000263	Lò Thị	Thùy	KC	ĐH	4.5	5.5	2.5	4.5	4.5	
270	2069000317	Ngân Thị	Thùy	KC	ĐH	2.5	4.0	3.0	3.0	3.0	
271	2069000048	Nguyễn Thị	Thùy	KC	ĐH	5.0	6.0	4.5	6.0	5.5	
272	2069000099	Nguyễn Thu	Thùy	KC	ĐH	4.5	7.0	4.0	6.5	5.5	
273	2069000155	Hà Hương	Thùy	KC	ĐH	1.5	5.0	5.0	3.0	3.5	
274	2069000156	Hà Thị	Trâm	KC	ĐH	2.5	5.0	4.5	5.0	4.5	
275	2069000338	Lê Quỳnh	Trâm	KC	ĐH	2.0	5.5	4.5	4.0	4.0	
276	2069000212	Lê Thị Ngọc	Trâm	KC	ĐH	3.0	5.0	5.5	4.5	4.5	
277	2069000264	Nguyễn Mai	Trâm	KC	ĐH	0.5	4.0	4.5	4.5	3.5	
278	2069000318	Đậu Thị	Trang	KC	ĐH	2.5	5.5	5.0	3.5	4.0	
279	2069000049	Hà Lê Kiều	Trang	KC	ĐH	5.0	4.5	4.0	6.0	5.0	
280	2069000100	Hà Thị	Trang	KC	ĐH	4.0	4.0	3.0	3.0	3.5	
281	2069000157	Hoàng Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	6.0	5.0	5.5	5.0	
282	2069000213	Lê Hạnh	Trang	KC	ĐH	3.0	5.0	4.0	3.0	4.0	
283	2069000266	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	2.5	6.0	2.0	3.0	3.5	
284	2069000319	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	7.0	8.0	5.0	6.0	6.5	
285	2069000051	Lê Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.5	4.5	4.0	5.5	4.5	
286	2069000102	Nguyễn Mai	Trang	KC	ĐH	4.0	5.0	7.0	6.5	5.5	
287	2069000050	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	5.0	6.0	5.5	6.0	5.5	
288	2069000101	Nguyễn Thu	Trang	KC	ĐH	2.5	6.0	6.0	4.0	4.5	
289	2069000158	Nguyễn Thu	Trang	KC	ĐH	4.0	4.0	4.5	6.0	4.5	
290	2069000320	Phạm Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
291	2069000321	Phạm Thị Kiều	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
292	2069000267	Trịnh Thu	Trang	KC	ĐH	6.5	6.5	4.0	6.5	6.0	
293	2069000265	Đinh Huyền	Trang	KC	ĐH	1.5	5.0	6.0	5.0	4.5	
294	2069000214	Tào Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	3.5	3.5	
295	2069000159	Nguyễn Thị	Trúc	KC	ĐH	2.5	4.0	3.0	6.0	4.0	
296	2069000331	Lê Thị	Tú	KC	ĐH	1.0	4.0	4.0	3.0	3.0	
297	2069000268	Lương Thị	Tú	KC	ĐH	2.0	5.0	3.0	3.0	3.5	
298	2069000322	Nguyễn Thị	Tú	KC	ĐH	2.5	5.5	3.0	3.5	3.5	
299	2069000052	Vũ Đào Khả	Tú	KC	ĐH	2.0	3.5	5.0	4.0	3.5	
300	2069000160	Bùi Thanh	Tuấn	KC	ĐH	2.0	5.0	7.0	3.0	4.5	
301	2069000104	Cao Thị Thùy	Tuyên	KC	ĐH	4.0	4.5	5.0	5.5	5.0	
302	2069000161	Bùi Thị	Tuyết	KC	ĐH	3.5	5.0	4.5	5.0	4.5	
303	2069000216	Nguyễn Thị	Tuyết	KC	ĐH	4.5	6.5	4.0	6.0	5.5	
304	2069000269	Nguyễn Thị	Tuyết	KC	ĐH	2.0	5.5	3.5	4.0	4.0	
305	2069000323	Hà Phương	Uyên	KC	ĐH	2.5	4.5	3.5	3.0	3.5	
306	2069000053	Nguyễn Thị Tố	Uyên	KC	ĐH	2.5	4.0	5.5	5.5	4.5	
307	2069000105	Quách Thu	Uyên	KC	ĐH	2.5	5.0	5.0	3.5	4.0	
308	2069000270	Lê Thị Thảo	Vân	KC	ĐH	2.5	6.0	6.5	4.0	5.0	

19/ - chg

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
309	2069000162	Lê Thị Trúc	Vân	KC	ĐH	4.5	5.5	3.0	5.5	4.5	
310	2069000217	Nguyễn Khánh	Vân	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
311	2069000106	Lê Thị Yến	Vi	KC	ĐH	2.0	6.0	6.5	4.0	4.5	
312	2069000107	Hà Thanh	Vương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
313	2069000271	Lê Yến	Vy	KC	ĐH	7.0	6.5	5.5	7.5	6.5	
314	2069000324	Hà Thị	Xuân	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	4.0	4.5	
315	2069000108	Lê Thị	Yến	KC	ĐH	2.5	4.0	4.5	3.5	3.5	
316	2069000163	Lương Thị Hải	Yến	KC	ĐH	7.0	5.5	3.0	4.0	5.0	
317	2069000218	Nguyễn Hoàng	Yến	KC	ĐH	1.5	5.0	6.0	3.5	4.0	
318	2069000272	Nguyễn Thị	Yến	KC	ĐH	7.0	3.5	1.5	3.5	4.0	
319	2069000325	Nguyễn Thị	Yến	KC	ĐH	3.0	4.5	4.5	4.5	4.0	
320	2069000055	Nguyễn Thị	Yến	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	4.0	4.0	
321	2069000326	Tổng Thị	Yến	KC	ĐH	7.0	5.5	4.5	6.5	6.0	
322	2069000164	Vũ Thị Hải	Yến	KC	ĐH	3.5	4.5	3.0	5.5	4.0	
323	2069000054	Hoàng Tiểu	Yến	KC	ĐH	2.0	5.5	3.0	3.5	3.5	
324	1964020001	Lê Ngọc	Ánh	KC	ĐH	7.0	4.5	5.5	4.0	5.5	
325	1964020002	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	7.5	5.5	3.5	3.0	5.0	
326	1964030003	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	5.0	4.5	2.0	4.0	4.0	
327	1969000111	Vi Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	6.5	7.0	3.5	4.0	5.5	
328	1964020004	Đỗ Kim	Chi	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
329	1863020004	Nguyễn Mạnh	Cường	KC	ĐH	7.5	7.0	3.0	5.0	5.5	
330	1964020008	Lê Duy	Đức	KC	ĐH	6.5	6.5	6.0	3.5	5.5	
331	1963020005	Nguyễn Đình	Dũng	KC	ĐH	7.5	8.5	5.0	5.5	6.5	
332	1963020006	Vũ Tiến	Dũng	KC	ĐH	7.5	5.0	3.0	7.5	6.0	
333	1964020009	Quách Tùng	Dương	KC	ĐH	6.5	4.0	3.5	5.0	5.0	
334	1769010009	Trương Thị	Hà	KC	ĐH	7.0	6.0	3.5	3.5	5.0	
335	1966030001	Mai Thị	Hiền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
336	1869000013	Quách Thị Khánh	Hòa	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
337	1769010134	Lê Phạm Thị	Hồng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
338	1966030003	Lê Thị	Hồng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
339	1964020049	Nguyễn Thị	Hồng	KC	ĐH	7.0	5.5	3.5	5.0	5.5	
340	1969000065	Trương Thị	Huế	KC	ĐH	7.0	4.5	5.0	4.0	5.0	
341	1564010107	Ngô Tiến	Hùng	KC	ĐH	5.0	10.0	3.5	3.5	5.5	
342	1966030004	Vũ Ngọc Vĩnh	Hưng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
343	1969000014	Lương Thị Lan	Hương	KC	ĐH	7.5	6.5	3.5	4.0	5.5	
344	1569010225	Trương Thị	Hương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
345	1964020012	Trần Thị Thu	Hương	KC	ĐH	7.0	5.5	2.5	4.5	5.0	
346	1964020013	Trần Văn	Huy	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	3.5	4.0	
347	1964020053	Lê Diệu	Huyền	KC	ĐH	8.0	6.0	4.0	3.5	5.5	
348	1969000018	Thao Thị	Khua	KC	ĐH	8.5	5.5	4.5	4.5	6.0	
349	1969000019	Bùi Ngọc	Lan	KC	ĐH	8.5	6.5	6.0	6.0	7.0	
350	1964020014	Trần Thị	Len	KC	ĐH	8.0	7.0	3.5	5.0	6.0	
351	1964020017	Lê Tuấn	Linh	KC	ĐH	7.0	4.5	4.5	5.0	5.5	
352	1964020015	Nguyễn Thị Mai	Linh	KC	ĐH	7.0	6.0	4.0	6.5	6.0	
353	1964020016	Trần Gia	Linh	KC	ĐH	5.0	4.0	3.0	3.5	4.0	

19/ chg

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đôi tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
354	1869010027	Nguyễn Thị Phương	Mai	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
355	1868010022	Bùi Xuân Anh	Minh	KC	ĐH	7.0	5.5	4.5	4.0	5.5	
356	1964020018	Trần Đức	Minh	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	7.5	5.5	
357	1868010021	Vì Trọng	Minh	KC	ĐH	7.5	7.5	8.0	6.0	7.5	
358	1964020020	Trần Ngọc Trà	My	KC	ĐH	7.5	6.0	4.5	4.5	5.5	
359	1867020036	Hà Thị	Nhung	CN	ĐH	7.5	6.0	5.5	9.0	7.0	
360	1863020009	Lê Thị Hồng	Nhung	KC	ĐH	8.0	5.0	4.0	4.5	5.5	
361	1661030032	Lê Hồng	Phong	KC	ĐH	5.0	4.5	4.0	6.0	5.0	
362	1964030020	Đào Việt	Thắng	KC	ĐH	6.0	4.5	4.5	3.5	4.5	
363	1868010033	Hà Tiến	Thành	KC	ĐH	5.0	5.5	4.5	5.0	5.0	
364	1964020023	Lê Thị	Thương	KC	ĐH	7.5	6.0	5.0	5.0	6.0	
365	1769020024	Hà Văn	Thương	KC	ĐH	5.5	5.5	3.5	3.0	4.5	
366	1964020024	Lê Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	7.5	4.0	4.0	5.0	5.0	
367	1969010056	Mai Thùy	Trang	KC	ĐH	7.5	5.0	4.0	3.0	5.0	
368	1969000109	Nguyễn Quỳnh	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
369	1964020025	Nguyễn Thị Thu	Trang	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
370	1964020026	Phạm Nguyễn Quỳnh	Trang	KC	ĐH	7.0	3.5	3.5	5.0	5.0	
371	1863020016	Lê Văn	Trọng	KC	ĐH	7.5	4.5	3.0	3.5	4.5	
372	1969010062	Ngô Thị	Tươi	KC	ĐH	7.0	6.0	3.5	4.5	5.5	
373	1867010041	Lê Mai	Uyên	CN	ĐH	8.0	7.5	3.5	8.5	7.0	
374	1964030001	Nguyễn Thị Mai	Anh	KC	ĐH	5.0	4.5	2.5	4.0	4.0	
375	1868010008	Nguyễn Trọng	Chung	KC	ĐH	0.0	5.5	4.5	5.0	0.0	
376	1663050002	Hơ Văn	Cú	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
377	1462010007	Võ Thị	Cúc	KC	ĐH	6.5	6.0	3.0	5.0	5.0	
378	1564010161	Tô Nguyễn Tiểu	My	KC	ĐH	7.0	8.0	6.5	7.0	7.0	
379	1764020030	Lê Văn	Phước	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
380	196601CLC12	Hoàng Thị	Quý	KC	ĐH	6.5	3.0	3.5	4.5	4.5	
381	196601CLC13	Đặng Ngọc	Quỳnh	KC	ĐH	7.5	5.0	4.0	6.0	5.5	
382	1769010229	Phạm Thị	Tĩnh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
383	1769010235	Cao Thị Thu	Uyên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
384	1969010065	Mai Thị	Vân	KC	ĐH	2.5	4.5	3.0	3.5	3.5	
385	1166010079	Lê Thị	Yến	KC	ĐH	2.5	6.0	4.5	4.0	4.5	
386	196C740001	Trịnh Thị Lan	Anh	KC	CĐ	3.0	4.0	4.0	6.5	4.5	
387	196C740007	Bùi Linh	Chi	KC	CĐ	2.5	9.0	8.5	6.5	6.5	
388	196C740009	Nguyễn Thị	Dung	KC	CĐ	1.5	4.0	2.0	6.5	3.5	
389	196C680005	Nguyễn Thùy	Dung	KC	CĐ	7.5	4.0	9.0	6.0	6.5	
390	196C740010	Bùi Thị	Duyên	KC	CĐ	6.0	5.0	5.0	7.5	6.0	
391	196C680007	Nguyễn Thị	Gấm	KC	CĐ	1.0	3.0	2.5	5.0	3.0	
392	196C680050	Cao Thị	Giang	KC	CĐ	8.5	9.5	8.0	7.0	8.5	
393	196C740039	Đoàn Thị Hương	Giang	KC	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
394	206C680005	Ngân Thị	Giang	KC	CĐ	7.5	2.0	2.0	6.5	4.5	
395	196C680010	Trần Thị Thu	Hà	KC	CĐ	2.5	9.5	9.5	6.0	7.0	
396	196C680009	Trương Thị	Hà	KC	CĐ	2.0	5.0	4.0	6.5	4.5	
397	196C740011	Bùi Thị	Hài	KC	CĐ	2.5	4.0	2.0	6.5	4.0	
398	186C680012	Nguyễn Thị	Hằng	KC	CĐ	1.5	4.0	3.5	4.5	3.5	

19 chg

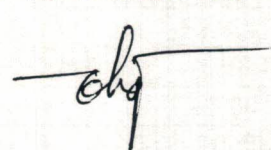
TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
399	186C740009	Phạm Thị	Hoa	KC	CĐ	1.0	2.0	1.0	5.5	2.5	
400	196C680018	Lê Thị	Hương	KC	CĐ	1.5	3.5	4.5	6.5	4.0	
401	196C740034	Phan Từ	Huy	KC	CĐ	2.5	3.0	5.5	7.5	4.5	
402	196C680059	Lê Thị Vinh	Khánh	KC	CĐ	3.5	8.5	10.0	6.5	7.0	
403	196C680020	Phạm Thúy	Kiều	KC	CĐ	5.0	3.0	9.0	8.0	6.5	
404	196C680021	Lê Thị	Liên	KC	CĐ	8.0	8.5	9.5	6.5	8.0	
405	196C680024	Lại Thị Mai	Linh	KC	CĐ	2.0	4.0	9.5	6.5	5.5	
406	196C680063	Lê Ngọc Khánh	Linh	KC	CĐ	0.5	3.5	6.0	6.5	4.0	
407	196C680025	Lê Nhật	Linh	KC	CĐ	0.5	5.0	3.0	6.5	4.0	
408	196C740018	Hà Ngọc	Mai	KC	CĐ	2.0	7.5	4.0	6.5	5.0	
409	196C680069	Nguyễn Thị	Nga	KC	CĐ	1.0	4.0	4.0	6.5	4.0	
410	196C680028	Nguyễn Thị Hằng	Nga	KC	CĐ	1.0	3.5	5.0	6.5	4.0	
411	196C680029	Lê Vi	Ngọc	KC	CĐ	8.5	10.0	8.0	6.5	8.5	
412	196C680070	Nguyễn Hồng	Ngọc	KC	CĐ	1.5	1.5	3.0	6.5	3.0	
413	196C680031	Nguyễn Thị	Nhung	KC	CĐ	4.0	8.5	7.0	7.5	7.0	
414	196C700009	Nguyễn Thị Phú	Quý	KC	CĐ	8.0	9.0	9.0	7.0	8.5	
415	196C680034	Bùi Thị	Tâm	KC	CĐ	7.5	9.0	7.5	7.5	8.0	
416	196C680078	Lê Thị Thanh	Tâm	KC	CĐ	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	
417	196C680035	Nguyễn Thị	Tâm	KC	CĐ	2.5	2.0	3.0	7.0	3.5	
418	196C680038	Nguyễn Thị Thương	Thương	KC	CĐ	2.0	3.5	3.0	6.5	4.0	
419	196C680039	Dương Thị	Thùy	KC	CĐ	8.0	9.0	8.5	6.5	8.0	
420	196C700015	Phạm Thị	Trà	KC	CĐ	7.5	8.5	8.5	6.5	8.0	
421	196C740029	Lê Thị Thu	Trang	KC	CĐ	3.5	4.0	2.0	6.5	4.0	
422	196C740028	Nguyễn Thị Hà	Trang	KC	CĐ	3.5	2.5	3.5	7.5	4.5	
423	196C680040	Nguyễn Thùy	Trang	KC	CĐ	1.0	9.0	7.0	6.5	6.0	
424	196C740033	Lê Văn	Vũ	KC	CĐ	1.5	2.5	7.5	7.0	4.5	

Ghi chú: KC: Đối tượng không chuyên ngữ; CN: đối tượng chuyên ngữ; ĐH: Đại học; CĐ: Cao đẳng;

**KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**


Lê Hoàng Bá Huyền

ỦY VIÊN THƯ KÝ


Nguyễn Thế Cường